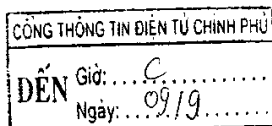


CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2015



NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong việc quản lý và triển khai hoạt động thông tin đối ngoại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các cơ quan, tổ chức tham gia hoạt động thông tin đối ngoại.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động thông tin đối ngoại

1. Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các điều ước quốc tế mà Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tuân thủ pháp luật và phong tục tập quán của nước sở tại.

2. Bảo đảm không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, uy tín, hình ảnh, quan hệ ngoại giao, hợp tác quốc tế của Việt Nam; bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Không kích động nhân dân chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân; không kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước.

4. Bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời theo đúng định hướng thông tin tuyên truyền đối ngoại của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ cũng như các chương trình, kế hoạch thông tin đối ngoại đã được phê duyệt; không đưa tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống nhằm xúc phạm danh dự của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của công dân.

Điều 4. Quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước hoạt động thông tin đối ngoại.

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan liên quan thực hiện quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại.

b) Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan triển khai hoạt động thông tin đối ngoại ở nước ngoài.

c) Các Bộ, ngành chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin đối ngoại trong phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước hoạt động thông tin đối ngoại ở địa phương.

2. Nội dung quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại:

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình về hoạt động thông tin đối ngoại.

b) Tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học về thông tin đối ngoại; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho các lực lượng tham gia hoạt động thông tin đối ngoại.

c) Quản lý, hướng dẫn, chủ động cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tấn, báo chí của Việt Nam; chủ động cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tấn, báo chí của nước ngoài; cung cấp thông tin cho người Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế; cung cấp thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam.

d) Hợp tác quốc tế về hoạt động thông tin đối ngoại.

đ) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thông tin đối ngoại theo quy định của pháp luật.

e) Sơ kết, tổng kết hoạt động thông tin đối ngoại; đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin đối ngoại.

Điều 5. Kinh phí cho hoạt động thông tin đối ngoại

Kinh phí cho hoạt động thông tin đối ngoại của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác. Hàng năm, căn cứ kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền giao, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp vào dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị mình gửi cơ quan tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương II HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Điều 6. Thông tin đối ngoại

Thông tin đối ngoại bao gồm thông tin chính thức về Việt Nam, thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam và thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam.

Điều 7. Cung cấp thông tin chính thức về Việt Nam

1. Thông tin chính thức về Việt Nam là thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin về tình hình Việt Nam trên các lĩnh vực; thông tin về lịch sử Việt Nam và các thông tin khác.

2. Thông tin chính thức về Việt Nam do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động cung cấp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tới cộng đồng quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Thông tin chính thức về Việt Nam được cung cấp bằng các hình thức sau đây:

a) Phát ngôn chính thức tại các sự kiện, diễn đàn quốc tế, họp báo quốc tế, họp báo trong nước.

b) Phát ngôn chính thức của các cơ quan quản lý nhà nước.

c) Hoạt động đối ngoại của các cơ quan quản lý nhà nước.

d) Hoạt động đối ngoại, phát ngôn, tổ chức sự kiện, đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử và hoạt động khác của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài.

đ) Các chương trình, sản phẩm báo chí của các cơ quan báo chí trực thuộc Chính phủ gồm Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam.

e) Đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, trang thông tin điện tử đối ngoại, cổng thông tin điện tử các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Xuất bản phẩm bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài của các cơ quan nhà nước.

4. Việc cung cấp thông tin chính thức về Việt Nam dưới mọi hình thức phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Cung cấp thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam

1. Thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam là thông tin về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam.

2. Thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tới cộng đồng quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam được cung cấp qua các hình thức sau đây:

a) Xuất bản phẩm bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

b) Sự kiện được tổ chức tại Việt Nam và nước ngoài.

c) Các sản phẩm báo chí của phương tiện thông tin đại chúng.

d) Các sự kiện do Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài tổ chức.

đ) Các sản phẩm của các cơ quan thông tấn, báo chí, công ty truyền thông nước ngoài.

e) Hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Việc cung cấp thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam dưới mọi hình thức phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam, pháp luật nước sở tại.

Điều 9. Cung cấp thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam

1. Thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam là thông tin về tình hình thế giới trên các lĩnh vực, thông tin về quan hệ giữa Việt Nam với các nước và các thông tin khác nhằm thúc đẩy quan hệ chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh giữa Việt Nam với các nước; phục vụ phát triển kinh tế đất nước; thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

2. Thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam do Bộ Ngoại giao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan tổ chức khác của Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan thông tấn, báo chí trực thuộc Chính phủ (Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, thu thập, tổng hợp và cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền, báo chí và người dân Việt Nam.

3. Thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam được cung cấp bởi các cơ quan, tổ chức nêu tại Khoản 2 Điều này bằng các hình thức sau đây:

- a) Qua người phát ngôn.
- b) Đăng tải qua cổng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử.
- c) Tại các cuộc họp báo định kỳ và giao ban báo chí.
- d) Qua các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Việc cung cấp thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến các hình thức nêu tại Khoản 3 Điều này.

Điều 10. Cung cấp thông tin giải thích, làm rõ

1. Thông tin giải thích, làm rõ là những tư liệu, tài liệu, hồ sơ, lập luận nhằm giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch về Việt Nam trên các lĩnh vực.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan khi nhận được thông tin, tài liệu, báo cáo sai lệch ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh Việt Nam của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước có trách nhiệm chủ động cung cấp những tư liệu,

tài liệu, hồ sơ, lập luận nhằm giải thích, làm rõ; triển khai các biện pháp thông tin tuyên truyền cần thiết để bảo vệ và nâng cao uy tín, hình ảnh của Việt Nam.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các Bộ, cơ quan liên quan, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm tổng hợp dư luận báo chí nước ngoài để phát hiện các thông tin sai lệch về Việt Nam, thông báo cho Bộ, cơ quan liên quan để chủ động cung cấp thông tin giải thích, làm rõ, đồng gửi cho Bộ Thông tin và Truyền thông biết để theo dõi, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. Trang thông tin điện tử đối ngoại

1. Trang thông tin điện tử đối ngoại có nhiệm vụ cung cấp thông tin chính thức và thông tin quảng bá về Việt Nam thông qua mạng internet.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan có trách nhiệm quản lý, vận hành trang thông tin điện tử đối ngoại; bảo đảm cập nhật đầy đủ thông tin đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thông tin đối ngoại.

Điều 12. Cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại

1. Cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại là hệ thống dữ liệu được số hóa, tích hợp từ các hệ thống dữ liệu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại.

2. Cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại là nguồn cung cấp thông tin chính thức về Việt Nam cho các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và nước ngoài, phục vụ công tác tra cứu, tìm hiểu, nghiên cứu về Việt Nam.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan thông tấn, báo chí của Việt Nam có trách nhiệm cung cấp thông tin để xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại.

Điều 13. Xuất bản phẩm thông tin đối ngoại

1. Các xuất bản phẩm thông tin đối ngoại là các sản phẩm xuất bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài để cung cấp thông tin chính thức về Việt Nam và quảng bá hình ảnh Việt Nam tới cộng đồng quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch xuất bản, phát hành các xuất bản phẩm thông tin đối ngoại trong một số lĩnh vực đặc thù.

Điều 14. Sự kiện tổ chức tại nước ngoài

1. Các sự kiện ở nước ngoài gồm Ngày Việt Nam ở nước ngoài và các sự kiện khác do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức nhằm quảng bá đất nước, con người, lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam, tăng cường tình hữu nghị và quan hệ với các nước, vận động thu hút đầu tư, du lịch, trao đổi thương mại, mở rộng hợp tác.

2. Thủ tướng Chính phủ quy định việc tổ chức Ngày Việt Nam ở nước ngoài.

3. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Cơ quan thường trú các cơ quan thông tấn, báo chí Việt Nam tại nước ngoài, Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức các sự kiện ở nước sở tại.

4. Cơ quan chủ trì tổ chức sự kiện ở nước ngoài có trách nhiệm phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả tổ chức sự kiện ở nước ngoài theo quy định, đồng gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo.

Điều 15. Hoạt động hỗ trợ, hợp tác với các cơ quan thông tấn, báo chí, công ty truyền thông, phóng viên nước ngoài để quảng bá Việt Nam tại nước ngoài

1. Các cơ quan thông tấn, báo chí, công ty truyền thông, phóng viên nước ngoài được hỗ trợ, tạo điều kiện trong hoạt động viết tin, bài, sản xuất chương trình và thực hiện các xuất bản phẩm nhằm giới thiệu về Việt Nam trên các phương tiện thông tin, đại chúng của nước ngoài.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện việc hỗ trợ, hợp tác được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Hoạt động thông tin, báo chí của cơ quan thông tấn, báo chí, công ty truyền thông nước ngoài tại Việt Nam phải tuân thủ quy định của Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 16. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

1. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình nước sở tại, quan hệ song phương và các thông tin khác vào Việt Nam cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9 Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

2. Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm cung cấp thông tin về Việt Nam nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh Việt Nam thông qua trang thông tin điện tử của Cơ quan đại diện, các hoạt động họp báo, trả lời phỏng vấn và các hoạt động khác. Bộ Ngoại giao chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

3. Bộ Ngoại giao chỉ đạo cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xây dựng trang thông tin điện tử bằng tiếng Anh và tiếng bản địa; cập nhật thông tin về Việt Nam từ hệ thống cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại.

Điều 17. Cơ quan thường trú các cơ quan thông tấn, báo chí Việt Nam ở nước ngoài

1. Cơ quan thường trú các cơ quan thông tấn, báo chí Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là cơ quan thường trú báo chí) cung cấp thông tin tình hình nước sở tại vào Việt Nam cho các cơ quan báo chí trực thuộc Chính phủ.

2. Cơ quan thường trú báo chí thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan giới thiệu, quảng bá hình ảnh đất nước, con người, lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam; thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

b) Phối hợp, thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin, báo chí.

3. Cơ quan thông tấn, báo chí Việt Nam chỉ đạo cơ quan thường trú báo chí của mình cung cấp thông tin và tham gia các hoạt động phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông; định kỳ, đột xuất báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao về tình hình hoạt động thông tin đối ngoại của cơ quan thường trú của mình.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Điều 18. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, hướng dẫn tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình về thông tin đối ngoại.
2. Hướng dẫn nội dung thông tin đối ngoại cho các cơ quan thông tấn, báo chí trong nước.
3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động thông tin đối ngoại.
4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đánh giá hiệu quả công tác thông tin đối ngoại của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan báo chí, xuất bản, ở trong và ngoài nước.
5. Xây dựng cơ chế trao đổi, phối hợp, cung cấp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước với các cơ quan báo chí.
6. Xây dựng và thực hiện kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng và nghiệp vụ thông tin đối ngoại cho cán bộ phụ trách công tác thông tin đối ngoại tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan báo chí, xuất bản, đội ngũ biên tập viên, biên dịch viên.
7. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thông tin đối ngoại theo quy định của pháp luật.
8. Xây dựng, trình Chính phủ báo cáo về hoạt động thông tin đối ngoại; hướng dẫn nội dung và thời điểm lấy số liệu báo cáo.
9. Sơ kết, tổng kết hoạt động thông tin đối ngoại; khen thưởng, kỷ luật đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin đối ngoại.

Điều 19. Bộ Ngoại giao

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan triển khai hoạt động thông tin đối ngoại ở nước ngoài; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý hoạt động thông tin đối ngoại ở nước ngoài.

2. Phát ngôn quan điểm, lập trường chính thức của Việt Nam về các vấn đề quốc tế; tổ chức các cuộc họp báo quốc tế; chuẩn bị trả lời phỏng vấn của lãnh đạo Nhà nước, Bộ Ngoại giao cho phóng viên nước ngoài.

3. Phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn báo chí trong nước đưa tin về hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Nhà nước, Bộ Ngoại giao và phối hợp hướng dẫn đưa tin về tình hình quốc tế, tin trong nước liên quan đến đối ngoại.

4. Theo dõi, nghiên cứu, tổng hợp dư luận báo chí nước ngoài phục vụ thông tin đối ngoại.

5. Hướng dẫn, cung cấp thông tin cho báo chí nước ngoài; cung cấp thông tin cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế; cung cấp thông tin tình hình thế giới cho người dân Việt Nam.

Điều 20. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin, giới thiệu quảng bá văn hóa, du lịch Việt Nam.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, cơ quan liên quan trong việc tổ chức các sự kiện ở địa bàn ngoài nước thuộc lĩnh vực quản lý.

3. Chỉ đạo các Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài thực hiện công tác thông tin đối ngoại tại địa bàn, sử dụng có hiệu quả và tạo điều kiện cho các cơ quan liên quan sử dụng các Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài để phục vụ hoạt động thông tin đối ngoại.

Điều 21. Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo mật trong hoạt động thông tin đối ngoại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước, nhằm bảo đảm các hoạt động thông tin đối ngoại tuân thủ các quy định của Nghị định này.

2. Theo dõi, tổng hợp thông tin liên quan đến an ninh đối ngoại để đề xuất chủ trương, biện pháp giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch về Việt Nam.

3. Bảo đảm an ninh, an toàn cho hoạt động thông tin đối ngoại theo đúng định hướng của Đảng, Nhà nước; phát hiện và đấu tranh chống các hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng thông tin đối ngoại chống Việt Nam.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động thông tin đối ngoại chuyên ngành, thông qua các kênh và biện pháp đặc thù, góp phần bảo đảm lợi ích, an ninh quốc gia Việt Nam.

Điều 22. Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định dự toán ngân sách hằng năm cho các hoạt động thông tin đối ngoại, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bảo đảm nguồn kinh phí trong ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, hoạt động thông tin đối ngoại đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các văn bản về cơ chế, chính sách, định mức kinh phí cho các hoạt động thông tin đối ngoại.

Điều 23. Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Ngoại giao ban hành văn bản hướng dẫn về việc kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại; hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí cán bộ phụ trách công tác thông tin đối ngoại.

Điều 24. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức cung cấp thông tin cho người dân hiểu về quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, về những cơ hội, rủi ro, thách thức trong quá trình hội nhập; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thông tin đối ngoại cho cán bộ phụ trách công tác thông tin đối ngoại.

2. Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hành động, các kế hoạch công tác thông tin đối ngoại của cơ quan, địa phương mình.

3. Hằng năm xây dựng kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại và dự toán kinh phí của đơn vị, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách của đơn vị, gửi về cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Cập nhật thông tin, xây dựng hệ thống dữ liệu về Bộ, ngành, địa phương mình, tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại để quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài.

5. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động thông tin đối ngoại.

6. Sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại theo phạm vi quản lý, gửi báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

7. Phân công tổ chức hoặc cá nhân phụ trách triển khai hoạt động thông tin đối ngoại.

8. Bảo mật thông tin trong phạm vi quản lý của mình theo quy định về bảo mật thông tin; có trách nhiệm tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thông tin đối ngoại thuộc lĩnh vực quản lý.

9. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thông tấn, báo chí Việt Nam có trách nhiệm định kỳ hoặc đột xuất báo cáo về hoạt động thông tin đối ngoại trong phạm vi quản lý của cơ quan, địa phương mình.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 10 năm 2015.
2. Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Nghị định này theo phân công của Chính phủ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (3b).KN 240

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng